

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1063/2015/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 21 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý và phát triển
cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương; Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BTC-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 43/TTr-STTTT ngày 22/12/2014 và Tờ trình số 10/TTr-STTTT ngày 16/3/2015 về việc đề nghị ban hành Quy định quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm định số 65/BCTĐ-STP ngày 17/12/2014 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 2;
- CVP, các PCVP;
- Các CV UBND TP;
- Công TTĐT, Công báo, TTTT;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

CHỦ TỊCH



Lê Văn Thành

QUY ĐỊNH

**Quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1063 /2015/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

Chương 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định về việc quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Những quy định về quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Viễn thông, Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/04/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông, và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông

1. Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý, giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn, phân cấp trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện quản lý cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố.

2. Việc phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, quy hoạch chuyên ngành viễn thông, quy hoạch của các ngành có liên quan; bảo vệ an ninh quốc phòng; bảo đảm mỹ quan đô thị, an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông.

3. Ưu tiên và tạo điều kiện trong việc phối hợp xây dựng và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định của pháp luật tham gia xã hội hoá công tác đầu tư xây dựng hệ thống cống, bể cáp, cột ăng ten cho các doanh nghiệp viễn thông thuê để ngầm hoá cáp viễn thông và lắp đặt trạm thu, phát sóng vô tuyến điện dùng cho viễn thông.

4. Áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để quy hoạch và quản lý cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố.

Chương 2.

QUY HOẠCH, THIẾT KẾ, XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Điều 3. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của thành phố

1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, công bố quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của thành phố năm (05) năm một lần, định hướng mười (10) năm, có điều chỉnh, bổ sung hàng năm.

2. Hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân quận, huyện, ý kiến của các ngành liên quan và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/2.000, 1/500 phải cập nhật các nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được phê duyệt vào phần quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc của đồ án quy hoạch.

Điều 4. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn thành phố

1. Căn cứ Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của thành phố, hiện trạng và kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của mình, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm xây dựng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại thành phố của doanh nghiệp năm (05) năm một lần, định hướng mười (10) năm, có điều chỉnh, bổ sung hàng năm và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại thành phố của các doanh nghiệp viễn thông.

3. Sau khi quy hoạch của doanh nghiệp được phê duyệt, doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức công bố công khai, thông báo quy hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng và công thông tin điện tử của doanh nghiệp (ưu các nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định) đồng thời gửi về Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 5. Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương của doanh nghiệp viễn thông

1. Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT và nộp hồ sơ bằng dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp

tại Bộ phận "tiếp nhận và trả kết quả" của Sở Thông tin và Truyền thông vào các ngày làm việc trong tuần.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Thông tin và Truyền thông có thông báo bằng văn bản để doanh nghiệp bổ sung, hoàn chỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định hồ sơ quy hoạch.

a) Trong thời gian 5 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông gửi hồ sơ thẩm định quy hoạch tới các cơ quan, đơn vị có liên quan để lấy ý kiến đóng góp.

b) Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định quy hoạch, các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản tới Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp.

c) Sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan, đơn vị, trong thời gian 15 ngày làm việc Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp ý kiến và tổ chức họp thẩm định hồ sơ quy hoạch.

d) Trường hợp thẩm định hồ sơ không đạt yêu cầu, trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc họp thẩm định, Sở Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

đ) Trường hợp thẩm định hồ sơ đạt yêu cầu, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc họp thẩm định, Sở Thông tin và Truyền thông lập Báo cáo thẩm định; phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông chuẩn bị hồ sơ quy hoạch trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

Trong thời gian 15 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt quy hoạch của doanh nghiệp.

3. Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

Điều 6. Thiết kế, xây dựng, sử dụng công trình viễn thông

1. Thiết kế, xây dựng, sử dụng công trình viễn thông phải tuân thủ quy định tại Điều 59 Luật Viễn thông, Điều 42 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; Điều 8 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; Chương 3 của Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn việc thiết kế, thi công hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động kết hợp với các công trình xây dựng công cộng, công trình giao thông, khu công nghiệp, khu chế

xuất, khu công nghệ cao, khu đô thị, tòa nhà nhiều chủ sử dụng (chung cư, tòa nhà văn phòng, khách sạn) và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 6 Điều 42 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giải quyết các thông tin phản ánh của người dân liên quan đến việc xây dựng và sử dụng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn.

Chương 3.

SỬ DỤNG CHUNG CƠ SỞ HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

Điều 7. Hợp đồng sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông

1. Việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông được thực hiện thông qua hợp đồng trên cơ sở bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp viễn thông.

2. Bắt buộc áp dụng các điều khoản quy định trong "Mẫu hợp đồng" ban hành kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02/4/2013 của Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

3. Căn cứ điều kiện cụ thể và các quy định có liên quan, khi ký kết hợp đồng các bên có thể bổ sung các điều khoản, nội dung khác cho phù hợp.

Điều 8. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung

1. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông phải tuân thủ quy định tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

2. Đối với công trình đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giá cho thuê áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố.

Điều 9. Sử dụng chung cột treo cáp

1. Tại các khu vực không còn khả năng đi ngầm đường dây, cáp viễn thông trong các công trình hạ tầng kỹ thuật đi ngầm, chưa thể hạ ngầm nếu hệ thống cột treo cáp (cột treo cáp viễn thông riêng biệt, cột treo cáp của các ngành khác) còn khả năng treo thêm đường dây, cáp viễn thông thì chủ sở hữu cột phải tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sử dụng chung để treo đường dây, cáp viễn thông trên cơ sở bảo đảm mỹ quan đô thị, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng.

2. Việc sử dụng chung cột treo cáp phải tuân thủ đúng các quy định đối với cột, cáp viễn thông đi treo tại QCVN 33:2011/BTTTT quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông; các quy định tại Chương 4 của Quy định này.

3. Không tự ý treo đường dây, cáp viễn thông lên hệ thống cột treo cáp khi đơn vị sở hữu cột chưa cho phép.

4. Các đơn vị sử dụng chung cột để treo cáp, dây thuê bao viễn thông và đơn vị sở hữu cột phải thiết lập đường dây nóng, cung cấp đầy đủ số điện thoại liên lạc cần thiết. Khi có sự cố cũng như các tình huống khẩn cấp, trong thời gian sớm nhất các bên phải phối hợp khắc phục theo quy định tại Điều 15 của Quy định này.

5. Phối hợp tháo dỡ, di dời cột treo cáp

a) Đơn vị sở hữu cột là đầu mối thông báo cho các đơn vị sử dụng chung cột để cùng phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến việc phải tháo dỡ, di dời cột để giải phóng mặt bằng.

b) Khi nhận được văn bản của các chủ dự án yêu cầu di dời thu hồi cột treo cáp để giải phóng mặt bằng theo quyết định thu hồi đất của nhà nước, đơn vị sở hữu cột phải thông báo bằng văn bản cho tất cả các đơn vị sử dụng chung cột phối hợp thực hiện di dời đồng bộ, chấp hành theo tiến độ mà chủ dự án đã thống nhất với đơn vị sở hữu cột.

c) Trường hợp trên cột phải tháo dỡ, di dời còn có hệ thống cáp, dây thuê bao viễn thông trên cột nhưng không thể nhận biết được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu trốn tránh trách nhiệm thì đơn vị sở hữu cột phải thông báo bằng văn bản cho tất cả các đơn vị sử dụng chung cột và thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông để phối hợp giải quyết. Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, các đơn vị sở hữu đường dây, cáp viễn thông không có sự phối hợp hoặc hệ thống đường dây, cáp viễn thông trên cột vẫn chưa được tháo dỡ, di dời thì đơn vị sở hữu cột thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông để chủ trì, phối hợp với Sở Công thương, Ủy ban nhân dân quận, huyện cùng phối hợp để giám sát việc tháo dỡ hệ thống cáp, dây thuê bao viễn thông. Khi đó, đơn vị sở hữu cột không phải chịu trách nhiệm về việc hư hỏng vật tư, thiết bị, mất tín hiệu liên lạc.

Điều 10. Sử dụng chung cột ăngten

1. Đối với các khu vực có cột ăngten hiện hữu phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của thành phố, quy định kỹ thuật áp dụng cho công trình cột ăngten và đủ năng lực đáp ứng cho việc sử dụng chung, chủ sở hữu cột ăngten phải chia sẻ hạ tầng với tổ chức, cá nhân khác sử dụng chung để bảo đảm mỹ quan đô thị.

2. Hệ thống ăngten lắp đặt trên cột ăngten phải đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia: QCVN 41:2011/BTTTT “Thiết bị trạm gốc thông tin di động”, QCVN 32:2011/BTTTT “Chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông”, QCVN 9:2010/BTTTT “Tiếp đất cho các trạm viễn thông”; tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Khoa học và Công nghệ theo TCVN 3718-

1:2005 “Quản lý an toàn trong trường bức xạ tần số radio - phần 1: mức phơi nhiễm lớn nhất trong dải tần 3Khz đến 300 Ghz” và các quy định có liên quan.

3. Hạn chế việc sử dụng chung cột ăng ten để lắp đặt quá nhiều ăng ten làm cho cột ăng ten trở nên quá công kênh, gây mất an toàn và mỹ quan đô thị.

4. Đối với những khu vực cho phép đầu tư xây dựng mới cột ăng ten công kênh, chủ đầu tư phải tính toán thiết kế đảm bảo cột ăng ten đủ năng lực (chiều cao, kết cấu) để lắp đặt tối thiểu 02 tầng ăng ten trên cột và đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định.

5. Các cột ăng ten phục vụ cho an ninh, quốc phòng phải có ý kiến của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

Điều 11. Sử dụng chung hệ thống công, bệ kỹ thuật

1. Đối với các khu vực có hệ thống công, bệ kỹ thuật hiện hữu đáp ứng năng lực sử dụng chung, chủ sở hữu hệ thống công, bệ kỹ thuật phải cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê sử dụng chung để đảm bảo mỹ quan đô thị.

2. Đối với các khu vực có hệ thống công, bệ kỹ thuật hiện hữu nhưng không đáp ứng được cho việc sử dụng chung, khi nhận được đề nghị sử dụng chung, các bên phối hợp, bàn bạc cùng cải tạo, nâng cấp hệ thống công, bệ kỹ thuật đảm bảo phù hợp các quy định kỹ thuật áp dụng cho công trình sau đó phân chia dung lượng sử dụng theo tỷ lệ đầu tư.

3. Những khu vực theo quy hoạch được xây dựng hệ thống công, bệ kỹ thuật để ngầm hóa đường dây, cáp viễn thông, Ủy ban nhân dân thành phố khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư hệ thống công, bệ ngầm cho các doanh nghiệp viễn thông thuê để ngầm hóa đường dây, cáp viễn thông sử dụng ít nhất trong 10 năm. Không khuyến khích việc đầu tư, xây dựng cho những dự án, công trình xây dựng hệ thống công, bệ ngầm dùng riêng cho từng doanh nghiệp viễn thông trên cùng một tuyến.

4. Chủ sở hữu hệ thống công, bệ kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm xây dựng quy trình vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa đường dây, cáp ngầm đảm bảo các tiêu chuẩn ngành, yêu cầu kỹ thuật và an toàn cho mạng lưới.

5. Lĩnh vực an ninh quốc phòng được dùng chung hệ thống công, bệ kỹ thuật của thành phố, không phải thuê sử dụng; khi cần thiết được huy động tiềm lực thông tin của thành phố theo Nghị định số 160/2007/NĐ-CP ngày 19/11/2007 của Chính phủ về huy động tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ công tác công an và Nghị định số 19/2002/NĐ-CP ngày 19/02/2002 của Chính phủ về huy động tiềm lực khoa học và công nghệ của Nhà nước phục vụ quốc phòng.

Điều 12. Sử dụng chung đường truyền dẫn

1. Doanh nghiệp viễn thông có quyền thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng viễn thông của doanh nghiệp khác để bán lại cho người sử dụng dịch

vụ viễn thông; kết nối mạng viễn thông của mình với mạng hoặc dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác.

2. Doanh nghiệp viễn thông có nghĩa vụ cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê lại hệ thống thiết bị viễn thông, đường truyền dẫn, công trình viễn thông, mạng viễn thông; kết nối với mạng hoặc dịch vụ viễn thông của mình.

3. Việc sử dụng chung đường truyền dẫn thông qua thương lượng trên cơ sở bảo đảm công bằng, hợp lý, phù hợp với quyền và lợi ích của các bên tham gia; tiết kiệm chi phí đầu tư, rút ngắn thời gian triển khai và bảo đảm cảnh quan môi trường đô thị; sử dụng hiệu quả tài nguyên viễn thông và cơ sở hạ tầng viễn thông; bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về kết nối viễn thông và an toàn, thống nhất của các mạng viễn thông.

4. Doanh nghiệp viễn thông, nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường (có thị phần từ 30% trở lên trên thị trường liên quan hoặc có khả năng gây hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể) không được thực hiện hành vi sử dụng ưu thế về mạng viễn thông để cản trở việc xâm nhập thị trường, hạn chế, gây khó khăn cho hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác.

Chương 4.

CHÍNH TRANG, NGẦM HÓA MẠNG NGOẠI VI

Điều 13. Kế hoạch chính trang, ngầm hóa mạng ngoại vi

1. Căn cứ vào quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Kế hoạch chính trang, ngầm hóa mạng ngoại vi trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

2. Việc chính trang, ngầm hóa mạng ngoại vi phải tuân thủ theo đúng lộ trình do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành bảo đảm tối đa việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật có liên quan, an toàn và cảnh quan môi trường đô thị.

Điều 14. Triển khai chính trang, ngầm hóa mạng ngoại vi

1. Căn cứ Kế hoạch chính trang, ngầm hóa mạng ngoại vi của thành phố, Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được phê duyệt, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm lập và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chính trang, ngầm hóa mạng ngoại vi của doanh nghiệp mình.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện chính trang, ngầm hóa mạng ngoại vi của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

3. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm tham gia phối hợp và phải đóng góp kinh phí để thực hiện chính trang, ngầm hóa đường dây, cáp viễn thông của đơn vị mình trên địa bàn thành phố.

Điều 15. Xử lý cáp viễn thông đứt; tủ/hộp cáp, cột treo cáp bị hỏng

1. Khi đường dây, cáp viễn thông đi treo đứt hoặc tủ/hộp cáp viễn thông bị hỏng đơn vị sở hữu phải có mặt kịp thời để phối hợp xử lý tạm thời nhằm đảm bảo an toàn giao thông và thông tin. Sau một (01) giờ, kể từ lúc nhận thông báo của Sở Thông tin và Truyền thông (qua điện thoại) hoặc của tổ chức, cá nhân, đơn vị sở hữu không có mặt thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Khi xảy ra sự cố cột treo cáp bị hỏng (gãy, đổ), đơn vị sở hữu cột có trách nhiệm thay thế bằng cột mới hoặc kéo dây gia cường để treo tạm cáp. Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố, các đơn vị sở hữu cáp viễn thông phải phối hợp lập phương án và hoàn thiện khắc phục sự cố hoặc thay thế cột bằng phương án hạ ngầm cáp gửi Sở Thông tin và Truyền thông và triển khai các bước ngầm hóa cáp sau khi phương án được chấp thuận.

3. Trường hợp xảy ra thiên tai gây đứt đường dây, cáp viễn thông; hư hỏng tủ/hộp cáp; gãy, đổ cột treo cáp và cột ăng ten, đơn vị sở hữu có trách nhiệm khắc phục hậu quả sau thiên tai, thực hiện chỉnh trang, sắp xếp đường dây, cáp viễn thông; dỡ bỏ, thu hồi, xử lý đường dây, cáp, tủ/hộp cáp, cột treo cáp, cột ăng ten không còn sử dụng đảm bảo mỹ quan đô thị.

Điều 16. Xử lý đối với trường hợp không thực hiện sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông

Đường dây, cáp viễn thông, tủ/hộp cáp, măng sông nối cáp, bộ chia tín hiệu, cột treo cáp, cột ăng ten bị hỏng không sử dụng, xây dựng sai quy chuẩn, tiêu chuẩn hoặc không được triển khai sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa theo đúng lộ trình quy định nhưng không xác định được đơn vị sở hữu, Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xử lý theo quy định của pháp luật đối với tài sản vô chủ.

Điều 17. Dấu hiệu nhận biết đường dây, cáp viễn thông và thiết bị phụ trợ

1. Dấu hiệu nhận biết đường dây, cáp viễn thông lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, công trình viễn thông riêng biệt thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng các Bộ: Xây dựng, Công thương, Thông tin và Truyền thông, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2011/BTTTT về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

2. Các thiết bị phụ trợ gồm tủ cáp, hộp cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình, bẻ cáp và cột treo cáp phải ghi thông tin quản lý theo quy định tại mục 2.7.2.1 QCVN 33:2011/BTTTT và các quy định có liên quan.

3. Đường dây, cáp viễn thông treo nổi qua các khu vực giao thông phải treo biển báo hiệu độ cao.

a) Màu sắc, kích thước của biển báo hiệu độ cao thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT.

b) Thông tin thể hiện trên biển báo hiệu độ cao gồm thông tin về tính chuyên ngành, chủ sở hữu hoặc đơn vị được ủy quyền quản lý đường dây, cáp viễn thông và chỉ số độ cao (theo khoảng cách thẳng đứng tính từ điểm thấp nhất tới mặt đường bộ hoặc đường thủy, đơn vị là mét, lấy sau dấu phẩy một đơn vị).

c) Vị trí lắp đặt biển báo hiệu độ cao: gắn trên đường dây, sợi cáp thấp nhất và tại vị trí thấp nhất.

Chương 5.

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 18. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố phù hợp với quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển viễn thông của thành phố và quy hoạch xây dựng tại các quận, huyện.

2. Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị có liên quan lập, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch thực hiện việc chỉnh trang, sắp xếp lại hệ thống cột ăngten; hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông trên cơ sở bảo đảm tối đa việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, an toàn cho người dân, mỹ quan đô thị và cảnh quan môi trường.

3. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, đưa tin về Quy định này, mục đích, ý nghĩa, lợi ích kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của việc phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông. Hướng dẫn các cơ quan báo chí, đài truyền thanh tuyên truyền phổ biến, cung cấp đầy đủ và khách quan thông tin về an toàn bức xạ vô tuyến điện đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng; các quy định về xây dựng, lắp đặt các trạm thu, phát sóng vô tuyến điện.

4. Chủ động, phối hợp với các ngành chức năng thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về xây dựng, lắp đặt, sử dụng các công trình viễn thông; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định pháp luật; chỉ đạo hướng dẫn đưa hạ tầng viễn thông thụ động là nội dung bắt buộc phải có khi lập thiết kế cơ sở các hệ thống công trình kỹ thuật xây dựng và thiết kế xây dựng cầu đường.

5. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành viễn thông và các quy định có liên quan đối với các tổ chức, cá nhân thi công xây dựng hệ thống công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị và lắp đặt, cải tạo, sắp xếp các đường dây, cáp trên địa bàn thành phố.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông tăng cường sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; tạo điều kiện giúp đỡ và hỗ trợ lực lượng vũ trang sử dụng hạ tầng viễn thông của các doanh nghiệp bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ an ninh quốc phòng.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ để cập nhật dữ liệu về hiện trạng, quy hoạch và các dữ liệu khác có liên quan đến hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố.

8. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan giải quyết các thông tin phản ánh của người dân liên quan đến việc xây dựng và sử dụng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn.

Điều 19. Sở Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn đưa nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có liên quan vào quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/2.000, 1/500 và các quy hoạch khác nếu cần thiết.

2. Cung cấp thông tin liên quan về quy hoạch, dự án, kế hoạch đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố để Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan chuyên môn có liên quan và doanh nghiệp viễn thông biết, chủ động phối hợp quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông phù hợp, đảm bảo tuân thủ định hướng của các đồ án quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

3. Chỉ đạo thanh tra xây dựng các cấp thanh tra, kiểm tra, phát hiện và phối hợp xử lý vi phạm các quy định về xây dựng đối với công trình viễn thông.

4. Cấp phép xây dựng công trình viễn thông thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ các quy định không còn phù hợp của thành phố về quy trình, thủ tục cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

Điều 20. Sở Giao thông vận tải

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn đưa nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có liên quan vào quy hoạch giao thông chi tiết tỷ lệ 1/2.000, 1/500 và các quy hoạch khác nếu cần thiết.

2. Thông tin về dự án, kế hoạch xây dựng, sửa chữa nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn thành phố cho Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan chuyên môn có liên quan và doanh nghiệp viễn thông biết để chủ động phối hợp di chuyển cũng như phối hợp đầu tư, mở rộng tuyến công, bê tông tiết kiệm chi phí, tránh thiệt hại và mất liên lạc do sự cố trong quá trình thi công.

3. Phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, xử lý các doanh nghiệp viễn thông trong quá trình thi công công trình trong phạm vi quỹ đất dành cho xây dựng công trình giao thông đảm bảo an toàn công trình và an toàn giao thông.

4. Cấp phép thi công các công trình cáp viễn thông treo, ngầm nằm trong phạm vi kết cấu đường bộ.

Điều 21. Sở Công Thương

1. Chỉ đạo Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông xây dựng và triển khai kế hoạch chính trang, sắp xếp đường dây, cáp viễn thông treo trên cột điện dọc theo các tuyến phố, tuyến đường chính, tại các khu đô thị đảm bảo mỹ quan, chất lượng và an toàn cho người dân; ưu tiên cấp điện cho các công trình hạ tầng viễn thông.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn việc sử dụng chung hệ thống cột điện trong phạm vi quyền hạn quản lý với giá thuê trên cơ sở giá thành, hợp tác cùng phát triển và vì lợi ích công cộng để treo đường dây, cáp điện lực và viễn thông đối với những khu vực chưa thể ngầm hóa và không thể bố trí thêm cột tại cùng vị trí.

Điều 22. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện tạo điều kiện thuận lợi trong việc tổ chức giao đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình viễn thông trên địa bàn thành phố.

Điều 23. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do Nhà nước đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố; thẩm định giá thuê trên cơ sở phương án giá thuê do chủ sở hữu hoặc đơn vị được giao quản lý công trình lập.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn thành phố.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức hiệp thương giá theo thẩm quyền; kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá theo quy định hiện hành.

Điều 24. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích ưu đãi đầu tư đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình viễn thông sử dụng chung và phối hợp tham gia chính trang, ngầm hóa mạng ngoại vi trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 25. Công an thành phố

1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đẩy mạnh công tác đảm bảo an toàn, an ninh trên địa bàn, ngăn chặn kịp thời các hành vi phá hoại, cố tình cản trở việc xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông.

2. Phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố.

Điều 26. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

1. Phối hợp với Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan hỗ trợ và tạo điều kiện về thủ tục đất đai, đền bù, giải phóng mặt bằng cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình viễn thông; thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc xây dựng, lắp đặt các công trình viễn thông trên địa bàn.

2. Chỉ đạo hệ thống đài truyền thanh cơ sở tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các quy định về quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông.

3. Cấp phép xây dựng công trình viễn thông theo chức năng, phân cấp quản lý.

4. Thông tin về quy hoạch, dự án, kế hoạch đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình xây dựng, khu đô thị, tuyến đường giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn quản lý cho Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan chuyên môn có liên quan và doanh nghiệp viễn thông biết để chủ động phối hợp quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông.

Điều 27. Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

1. Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp viễn thông tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng viễn thông và cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc chấp hành các quy định chuyên ngành viễn thông đối với việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trong các khu công nghiệp.

Điều 28. Doanh nghiệp viễn thông

1. Thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Viễn thông, Quy định này và các quy định có liên quan.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng ở địa phương tiếp nhận thông tin về quy hoạch, dự án, kế hoạch xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp, tuyến đường giao thông, khu chế xuất, khu công nghệ cao, tòa nhà có nhiều chủ sử dụng và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác để tiến hành đồng thời kế hoạch xây dựng, lắp đặt các công trình viễn thông của doanh nghiệp mình tại địa phương. Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương các cấp trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến việc xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, đặc biệt là công trình mạng ngoại vi.

3. Có trách nhiệm thu hồi, xử lý các cáp ngoại vi viễn thông và thiết bị phụ trợ đã hỏng, không sử dụng.

4. Báo cáo kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin về cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân quận, huyện nơi trực tiếp quản lý địa bàn. Chấp hành nghiêm chỉnh việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

5. Ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông đến các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa nhằm tiếp tục phổ cập dịch vụ viễn thông, nâng cao mật độ thuê bao điện thoại và Internet.

6. Tăng cường công tác quản lý các dự án đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông trên cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn, kiểm định công trình, quy hoạch, đầu tư và xây dựng cơ bản.

Chương 6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy định này; định kỳ hàng năm tổng kết báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền phổ biến đầy đủ nội dung Quy định này trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh các tồn tại bất cập của Quy định này về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Thành